

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 245 /2022/DS-PT
Ngày 07 – 9 – 2022
V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán:

Bà Đinh Cẩm Đào

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điện – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 227/2020/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 151/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm 1985 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C.

- Bị đơn:

1. Bà Hồ Thị D, sinh năm 1965 (Có mặt);

2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C.

Đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của ông K: Bà Hồ Thị D (là bị đơn trong vụ án).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D và ông K: Ông Nguyễn Văn Trung, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Quốc Khởi – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1989 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C

- *Người kháng cáo:* Bà Trương Thị T, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trình bày của Trương Thị T thể hiện:*

Bà T khởi kiện bà D, ông K yêu cầu thanh toán cho bà tiền vay, tiền hụi, cụ thể như sau:

Đối với tiền hụi:

Dây hụi thứ nhất: Ngày 15/01/2018 âm lịch, bà mở dây hụi 5.000.000 đồng, một năm khai 2 lần, vào các ngày 15/01 và 15/8 âm lịch, dây hụi có 18 chân, dự tính đến ngày 15/01/2026 âm lịch mãn hụi. Bà D, ông K tham gia 3 chân hụi và lần lượt hốt hết 3 chân hụi. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bà D và ông K còn nợ 3 lần tiền hụi chết bằng 15.000.000 đồng. Tại cấp sơ thẩm, do các bên thoả thuận được việc thanh toán nên bà Thuý rút lại yêu cầu khởi kiện phần này.

Dây hụi thứ hai: Ngày 15/02/2019 âm lịch, bà mở dây hụi 3.000.000 đồng, một tháng khai một lần, dây hụi có 22 chân, dự tính đến ngày 15/10/2020 âm lịch mãn hụi. Bà D, ông K tham gia 1 chân hụi. Ngày 15/4/2019 âm lịch, bà D bỏ 1.050.000 đồng, hốt được 37.050.000 đồng, trừ hoa hồng 1.500.000 đồng, còn lại bà giao cho bà D 35.550.000 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm bà D, ông K nợ hụi chết 10 lần bằng 30.000.000 đồng. Bà T yêu cầu bà D, ông K thanh toán cho bà tiền hụi chết còn nợ là 30.000.000 đồng.

Đối với tiền vay:

Ngày 02/11/2018 âm lịch bà D, ông K vay 5.000.000 đồng, lãi 60%/tháng, đóng lãi được từ ngày vay đến tháng 02/2020 âm lịch thì ngưng. Khoảng tiền này còn nợ lãi là 1.500.000 đồng. Cộng vốn, lãi bằng 6.500.000 đồng.

Ngày 21/02/2020 âm lịch bà D, ông K vay 21.000.000 đồng, lãi 60%/tháng, không đóng lãi. Khoảng tiền này còn nợ lãi đến nay là 9 tháng bằng 11.340.000 đồng. Cộng vốn, lãi bằng 32.340.000 đồng.

Ngày 25/4/2020 âm lịch bà D, ông K vay 10.000.000 đồng, lãi 60%/tháng, không đóng lãi. Khoảng tiền này còn nợ lãi đến nay là 6 tháng bằng 3.600.000 đồng. Cộng vốn, lãi bằng 13.600.000 đồng.

Ngày 25/4/2020 âm lịch (tháng nhuận) bà D, ông K vay 4.500.000 đồng, lãi 60%/tháng, không đóng lãi. Khoảng tiền này còn nợ lãi là 5 tháng bằng 1.350.000 đồng. Cộng vốn, lãi bằng 5.850.000 đồng.

Ngày 21/5/2020 âm lịch bà D, ông K vay 4.500.000 đồng, lãi 60%/tháng, không đóng lãi. Khoảng tiền này còn nợ lãi 4 tháng bằng 1.080.000 đồng. Cộng vốn, lãi bằng 5.580.000 đồng.

Bà T yêu cầu bà D và ông K thanh toán khoản tiền vốn là 45.000.000 đồng,

không yêu cầu tính lãi..

Tổng cộng hai khoản nợ hụi và nợ vay, bà T yêu cầu bà D, ông K thanh toán cho bà là 75.000.000 đồng.

- Bà Hồ Thị D, ông Nguyễn Văn K trình bày:

Đối với dây hụi 3.000.000 đồng mở ngày 15/02/2019 âm lịch, bà D và ông K xác định không tham gia nên không chấp nhận yêu cầu của bà T.

Đối với tiền vay: Bà D và ông K xác định ngày 25/3/2020 âm lịch có vay của bà T 4.000.000 đồng, ngoài lần vay này thì không còn vay khoản nào khác. Sau khi vay, đến ngày 15/4/2020 âm lịch ông, bà thanh toán dứt điểm cho bà T, không làm biên nhận, cũng không có người khác chứng kiến. Do đó, bà D và ông K không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 227/2020/DS-ST ngày 17/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xử:

Đình chỉ xét xử phần yêu cầu của bà Trương Thị T đòi ông Nguyễn Văn K và bà Hồ Thị D thanh toán 15.000.000 đồng (do bà T rút yêu cầu khởi kiện trong dây hụi 5.000.000 đồng).

Chấp nhận một phần khởi kiện còn lại của bà Trương Thị T.

Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Hồ Thị D thanh toán cho bà Trương Thị T tiền vay cả vốn và lãi bằng 4.571.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu chênh lệch của bà T đòi bà Hồ Thị D, ông Nguyễn Văn K thanh toán tiền vay bằng 40.571.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà T đòi bà Hồ Thị D, ông Nguyễn Văn K thanh toán tiền hụi 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/12/2020, bà Trương Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, buộc bà D và ông K trả cho Bà T tiền hụi 30.000.000 đồng, tiền vay 45.000.000 đồng, tổng cộng bằng 75.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 56/2021/DS-PT ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử:

Chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị T, sửa bản án sơ thẩm:

Đình chỉ xét xử phần yêu cầu của bà Trương Thị T đòi ông Nguyễn Văn K và bà Hồ Thị D thanh toán 15.000.000 đồng đối với dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 15/01/2018 âm lịch.

Chấp nhận một phần khởi kiện của bà Trương Thị T. Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Hồ Thị D thanh toán cho Bà T tiền vay và tiền hụi là 34.571.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Bà T đòi bà D và ông K thanh toán tiền vay bằng 40.429.000 đồng.

Ngoài ra, án phúc thẩm còn án phí, nghĩa vụ chậm trả, quyền và nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án.

Ngày 05/4/2021, ông Nguyễn Văn K và bà Hồ Thị D có đơn đề nghị xem xét lại bản án phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm đối với phần tiền hối.

Ngày 24/3/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 65/QĐ-VKS-DS, kháng nghị đối với Bản án phúc thẩm số 56/2021/DS-PT ngày 24/3/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm huỷ Bản án phúc thẩm số 56/2021/DS-PT ngày 24/3/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau và Bản án dân sự sơ thẩm số 227/2020/DS-ST ngày 17/12/2020 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 159/2022/DS-GĐT ngày 13/5/2022 của Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Huỷ một phần Bản án dân sự phúc thẩm số 56/2021/DS-PT ngày 24/3/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau (phần giải quyết nợ hối 30.000.000 đồng). Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết lại phần bị huỷ theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trương Thị T giữ nguyên phần kháng cáo yêu cầu buộc bà Hồ Thị D và ông Nguyễn Văn K trả số tiền hối còn nợ 30.000.000 đồng.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Bà T phát biểu: Bà D và ông K có tham gia dây hối 3.000.000 đồng mở ngày 15/02/2019 al. Bà D và ông K đóng lại hối chết còn nợ 10 lần bằng 30.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu buộc bà D và ông K trả số tiền hối còn nợ là 30.000.000 đồng.

Luật sư Trung phát biểu: Bà D và ông K không có tham gia dây hối 3.000.000 đồng mở ngày 15/02/2019 al, Bà T không có giấy tờ chứng minh bà D và ông K tham gia. Theo danh danh hối thì tên hối viên là tên Hưởng, nhưng bà T ghi lại tên Diệu. Đối với các hối viên được Toà án xác minh trình bày không thống nhất với nhau, những người này có mối quan hệ thân thiết với Bà T nên trình bày không khách quan. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, không chấp nhận yêu cầu của bà T đòi bà D và ông K trả số tiền hối còn nợ 30.000.000 đồng.

Bà D thống nhất với ý kiến tranh luận của Luật sư Trung, không bổ sung thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa

đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị T, sửa bản án sơ thẩm: Buộc bà D và ông K trả cho bà T số tiền hui còn nợ 30.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bà Trương Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bà T cho rằng ngày 15/02/2019 al, bà T có mở dây hui 3.000.000 đồng, dây hui gồm 22 chung, thời gian một tháng khai hui một lần. Trong dây hui này, ông Hưởng có tham gia 02 chung, ông Hưởng đóng được 02 lần sợ không có tiền để đóng nên nhờ bà tìm người nhường lại 01 chung. Lúc này, do bà D và ông K cần tiền trả nợ cất nhà nên nhường lại chung hui cho bà D và ông K để hốt hui trả nợ. Đến ngày 21/4/2019 (lần khai hui thứ 3) bà D bỏ và hốt hui. Sau đó bà D và ông K đóng lại hui chết còn nợ 10 lần với số tiền bằng 30.000.000 đồng. Bà D và ông K xác định không có tham gia dây hui mở ngày 15/02/2019 al và nợ tiền hui như bà T trình bày.

[2] Theo danh sách dây hui mở ngày 15/02/2019 al có 22 chung, trong đó có tên Hưởng tham gia 02 chung theo số thứ tự 7 và 15; tại số thứ tự thứ 7 tên Hưởng được gạch xóa và ghi lại tên Diệu. Lý giải việc này, bà T cho rằng khi ông Hưởng nhường chung hui lại cho bà D và ông K thì bà gạch xóa tên Hưởng và ghi lại tên Diệu. Đối với việc giao nhận tiền hui, bà T và các hui viên trong dây hui trình bày thống nhất với nhau khi giao nhận tiền hui không có làm biên nhận.

[3] Theo bà T trình bày, khi bà D bỏ hui để hốt thì không trực tiếp đến bỏ hui mà điện thoại cho bà T để bỏ hui. Tòa án đã có Công văn gửi Trung tâm kinh doanh VNPT – Cà Mau cung cấp thông tin nhật ký cuộc gọi từ số điện thoại của bà D (0836131952) đến số điện thoại của bà T (0918649926) trong thời gian từ 19/5/2019 dl (nhằm ngày 15/4/2019 al) đến ngày 25/5/2019 dl (nhằm ngày 21/4/2019 al), nhưng không được cung cấp, nên không thể xác định được bà D có điện thoại cho bà T để bỏ hui hay không.

[4] Tuy nhiên, qua xác minh các hui viên có tên trong danh sách dây hui thể hiện: Ông Trương Văn Hưởng (tên trong danh sách hui Hưởng) xác định có nhường lại cho bà D 01 chung hui; bà Nguyễn Thị Thê (tên trong danh sách hui Thê), bà Mai Thị Cúc (tên trong danh sách hui 8 Đém), ông Trương Văn Liền (tên trong danh sách hui Liền), bà Huỳnh Hồng Đào (tên trong danh sách hui Cô Đào), bà Phạm Xil Cô (tên trong danh sách hui Sin Cô), bà Phạm Kim Nguyên (tên trong danh sách hui Sáu Bình), bà Nguyễn Thị Tuyết Băng (tên trong danh sách hui Băng) đều xác định bà D có tham gia dây hui 3.000.000 đồng mở ngày 15/02/2019 al do bà T làm chủ hui, do khi bà D hốt hui thì bà T có nói cho các hui viên biết. Ngoài ra, bà Tuyết Băng còn trình bày thêm là bà Băng có chứng kiến việc giao tiền hui giữa bà T với bà D.

[5] Đối với các hui viên còn lại như: Bà Nguyễn Tú Nga (tên trong danh sách hui Tú Nga, Nguyễn Văn Lộc (tên trong danh sách hui Lộc), Trương Văn Trường (tên trong danh sách hui Trường), Trương Thị Tiên (tên trong danh sách hui Tiên), khi Tòa án xác minh không có mặt ở địa phương nên không làm việc

được; các hội viên như Hân, Phận, Luân, Luận là con của bà Thê, do bà Thê chơi hội dùm nên những người này không biết được việc giao dịch hội như thế nào.

[6] Như vậy, có căn cứ xác định bà D và ông K có tham gia dây hội mở ngày 15/02/2019 do Bà T làm chủ hội. Đối với ý kiến tranh luận của Luật sư cho rằng trình bày của các hội viên mà Tòa án đã xác minh là không khách quan, nhưng không có căn cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[7] Từ những nhận định trên, xét thấy bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu bà D và ông K trả số tiền hội còn nợ 30.000.000 đồng là chưa phù hợp. Do đó, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị T, sửa bản án sơ thẩm: Buộc bà D và ông K trả cho Bà T số tiền hội còn nợ 30.000.000 đồng là có căn cứ.

[8] Do chấp nhận yêu cầu của Bà T nên bà D và ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 đồng. Án phí dân sự phúc thẩm bà T không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

[9] Đối với các khoản tiền bà D và ông K đã thi hành theo Bản án dân sự phúc thẩm số 56/DS-PT ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, được xem xét đối trừ trong giai đoạn thi hành án.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 209 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 227/2020/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T.

Buộc bà Hồ Thị D và ông Nguyễn Văn K trả cho bà Trương Thị T số tiền hội còn nợ là 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bà D và ông K còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị D và ông Nguyễn Văn K phải chịu 1.500.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị T không phải chịu. Ngày 05/01/2021, bà T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004498 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại (đã nhận lại xong).

Đối với các khoản tiền bà Hồ Thị D và ông Nguyễn Văn K đã thi hành theo Bản án dân sự phúc thẩm số 56/DS-PT ngày 24/3/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau, được xem xét đối trừ trong giai đoạn thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp, nên không đặt ra xem xét.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập